

UBND TỈNH THÁI BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 762/QĐ-ĐHTB, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

- Tên học phần bằng tiếng Anh: English for Business Administration

- Mã học phần: 010100246 Số tín chỉ : 3 (3,0,6)

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: Ngành quản trị kinh doanh, kinh tế

- Trình độ đào tạo: Đại Học Hình thức đào tạo: Chính quy

- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Tiếng Anh cơ bản 2

- Các học phần học song hành: *không*

- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*): *không*

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 35.giờ

+ Làm bài tập trên lớp: 4 giờ

+ Thảo luận: 4 giờ

+ Thực hành, thực tập: 0 giờ (*phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*):

+ Hoạt động theo nhóm: 0 giờ

+ Tự học: 90 giờ

+ Kiểm tra: 2 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Ngoại Ngữ

2. Mô tả học phần

- Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh được dạy vào học kỳ 4 cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế, sau khi sinh viên đã hoàn thành hai học phần Tiếng Anh cơ bản 1,2.

- Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản liên quan đến chuyên ngành kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói và viết về các chủ đề kinh tế cơ bản và thương mại nói trên.

- Học Phần TACN giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và kỹ năng tìm kiếm và phân tích thông tin thông qua các hoạt động bài tập trong bài học.

3. Mục tiêu của học phần

| Mã số | Mô tả mục tiêu học phần | CDR của CTĐT PLOs | Mức độ |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------|
| [1] | [2] | [3] | [4] |
| G1 | Trang bị cho sinh viên từ vựng và cấu trúc tiếng Anh cơ bản về lĩnh vực kinh tế từ đó sinh viên có khả năng hiểu được các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh | PLO1.1.2 | 3/5 |
| G2 | Cung cấp các bài học về kỹ năng giao tiếp nghe nói đọc viết từ đó giúp sinh viên có khả năng thực hiện các cuộc đàm thoại ngắn và thuyết trình về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Các bài tập nhóm và các bài tập dự án cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. | PLO2.1.1 PLO2.2.3 PLO2.3.2 | 3/5 |
| G3 | Chương trình cung cấp các bài tập và các dự án nhỏ, giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu mở rộng kiến thức về lĩnh vực kinh tế bằng cách nghe và đọc các tài liệu viết bằng tiếng Anh | PLO3.1 | 3/5 |

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Mục tiêu học phần (Gs) | Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) | | Chuẩn đầu ra CTĐT PLOs | Mức độ đạt được |
|------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|
| | Ký hiệu | Mô tả | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Kiến thức | | | | |
| G1 | CLO1.1 | Hiểu được những từ và thuật ngữ chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh. Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc câu. | PLO1.1.2 | 3/5 |
| | CLO1.2 | Hiểu và dịch được các tài liệu chuyên ngành ở cả dạng nói và văn bản bằng Tiếng Anh. | PLO1.1.2 | 3/5 |
| Kỹ Năng | | | | |
| G2 | CLO2.1 | Sinh viên có thể thuyết trình, giao tiếp được không cần chuẩn bị về các chủ đề liên quan tới chủ đề chuyên ngành kinh tế | PLO2.1.1 PLO2.3.1 | 3/5 |
| | CLO2.2 | Có khả năng viết được các bản báo cáo, | PLO2.1.1 | 3/5 |

| | | | | |
|----------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| | | các email, văn bản chuyên ngành kinh tế | | |
| | CLO2.03 | Có kỹ năng làm việc theo nhóm, đội hay làm việc độc lập trong lĩnh vực chuyên môn. | PLO2.2.3 | 3/5 |
| Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | |
| G3 | CLO3.1 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu mở rộng kiến thức về lĩnh vực kinh tế bằng cách nghe và đọc các tài liệu viết bằng tiếng Anh | PLO3.1 | 3/5 |

5. Tài liệu phục vụ học phần

| | |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giáo trình chính: | [Market Leader - pre-Intermediate 3rd edition |
| Tài liệu tham khảo thêm: | [1] Accounting principles - Tác giả Hermanson [2] English for accounting - NXB Oxford |
| Các loại học liệu khác: | [1] https://www.youtube.com/ |

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

| Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học | Mục đích | CDR của HP đạt được CLOs | Phương pháp, hình thức học của người học |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Diễn giảng | Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức về từ vựng, ngữ pháp | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1 | Bài bản (lắng nghe, tiếp nhận thông tin) |
| Đàm thoại, vấn đáp | Tạo ra một môi trường học tập tích cực, tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học viên, đồng thời giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy phân biện, tư duy phân tích và giải quyết vấn đề. | CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO3.2 | Tương tác |
| Bài tập | Kiểm tra kiến thức và kỹ năng của người học, tăng cường kỹ năng học tập, phát triển khả năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề, tạo động lực học tập và đánh giá quá trình học tập của người học. | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1 | - Ôn luyện, tìm kiếm, học nhóm - Giải quyết vấn đề, - Sáng tạo |
| Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | Giúp người học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tiếp tục | CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3 | Chủ động tìm hiểu và khám phá kiến |

| | | | |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>học tập và nghiên cứu độc lập, từ đó đó giúp người học trở nên độc lập và tự tin hơn trong việc giải quyết vấn đề, phát triển kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch, nâng cao khả năng tìm kiếm và sử dụng thông tin, và tăng cường sự đam mê và tự tin trong học tập. Ngoài ra, việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu còn giúp người học phát triển khả năng học tập suốt đời và thích nghi với những thay đổi trong công việc và cuộc sống.</p> | | <p>thức một cách tự nhiên, độc lập và sáng tạo. Sử dụng hiệu quả kiến thức tìm được.</p> |
| Kiểm tra | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá năng lực, kiến thức, kỹ năng và hiểu biết của sinh viên trong một lĩnh vực nhất định. - Đo lường sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập, để đánh giá hiệu quả của quá trình giảng dạy, để đánh giá năng lực và trình độ của sinh viên trong học tập. <p>Cung cấp thông tin cho giáo viên, về chất lượng giáo dục, đào tạo hoặc đào tạo chuyên môn.</p> | <p>CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3</p> | <p>Ôn luyện kiến thức, kỹ năng, thông tin và cách làm bài kiểm tra.</p> |

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết : Mỗi buổi học tương ứng với 3 tiết

| Buổi học | Nội dung | CDR học phần (CLOs) |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) |
| | [Nội dung chính của buổi học] | |
| Tuần 1 | <p>Unit 1: Careers!</p> <p>1.1. Starting up: Objective: Students understand more about the subject.</p> <p>1.2. Vocabulary: Career moves</p> <p>1.3. Reading Ten ways to improve your career</p> | <p>CLO1.1, CLO1.2.</p> |
| Tuần 2 | <p>Unit 1 (Cont.)</p> <p>1.4. Listening: Improving your career</p> <p>1.5. Language review: Modals 1: ability, requests and offers</p> | <p>CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2</p> |

| | | |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| | 1.6. Skills: Telephoning: making contact | |
| Tuần 3 | Unit 1 (Cont.) 1.7. Case study A new appointment 1.8. Writing: Write a formal email. Unit 2: Selling online 2.1. Starting up Discuss some questions about shopping online | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO3.1 |
| Tuần 4 | Unit 2 (Cont.) 2.2. Vocabulary: Shopping online 2.3. Listening Multi-channel retail 2.4. Reading Worry for retailers | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 |
| Tuần 5 | Unit 2 (Cont.) 2.5. Language review Modals 2: must, need to, have to, should 2.6. Listening: Negotiating: reaching agreement | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.2, CLO3.1 |
| Tuần 6 | Unit 2 (Cont.) 2.7. Case study Lifetime holiday Unit 3: Companies 3.1. Starting up: Kinds of companies 3.2. Vocabulary Describing companies | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.2, CLO2.3, CLO3.1 |
| Tuần 7 | Unit 3 (Cont.) 3.3. Listening A successful company 3.4. Reading: The world's most respected companies | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 |
| Tuần 8 | Unit 3 (Cont.) 3.5. Language review: Present simple and present continuous 3.6. Skills | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, |

| | | |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| | Presenting your company 3.7. Case study and Writing: Write a proposal document to the CEO | CLO3.1 |
| Tuần 9 | Unit A: Revision Mid-term test (60 mins) | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 |
| Tuần 10 | Unit 4: Great ideas 4.1. Starting up 4.2. Vocabulary Verb and noun combinations 4.3. Listening The innovation works | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.2, CLO2.2 |
| Tuần 11 | Unit 4 (Cont.) 4.4. Reading Three great ideas 4.5. Language review Past simple and past continuous 4.5. Skills Successful meetings | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2 |
| Tuần 12 | Unit 4 (Cont.) 4.6. Case study and Writing Write a short report on one of the products you have chosen. Unit 5: Stress 5.1. Starting up List the situations that relate to Stress | CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1 |
| Tuần 13 | Unit 5 (Cont.) 5.2. Listening Dealing with stress: 5.3. Reading A career change 5.4. Vocabulary Stress in the workplace | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 |
| Tuần 14 | Unit 5 (Cont.) 5.5. Discussion Stressful jobs 5.6. Language review Past simple and present perfect 5.7. Skills Participating in discussions | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 |

| | | |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tuần 15 | Unit 5 (Cont.) 5.8. Case-study and writing - Review and Practice. PROGRESSIVE TEST.(50’) | CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

| TT | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Thời điểm | Chuẩn đầu ra HP (CLOs) | Trọng số |
|----|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------|
| 1 | Chuyên cần (Chỉ dành cho HP lý thuyết) | [Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học] | Toàn bộ thời gian học | CLO3.1 | 10% |
| | | [Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng] | Toàn bộ thời gian học | CLO3.1 | |
| 2 | Quá trình | <p>Sinh viên làm 2 bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra</p> <p>+ Sinh viên hoàn thành > 50% đề trắc nghiệm được giao.</p> <p>Bài viết đảm bảo các tiêu chí</p> <p>+ Mức độ hoàn thành yêu cầu của đề bài</p> <p>+ Ý tưởng phát triển nội dung</p> <p>+ Từ vựng và ngữ pháp</p> <p>+ Cách tổ chức bố cục bài viết</p> <p>Bài nói trên tiêu chí về</p> <p>+ Ngữ pháp và từ vựng</p> <p>+ Phát âm</p> <p>+ Độ trôi chảy, mạch lạc</p> <p>+ Ý tưởng phát triển nội dung</p> | Bài kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra nói Bài KT1: buổi 6 (Trắc nghiệm) | CLO1 CLO2 | 40% |
| 3 | Cuối kỳ | Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết (tự luận) | cuối học kỳ | CLO1 CLO2 | 50% |

| | | | | | |
|--|--|--------------------------------------------------------------|--|------|--|
| | | Tiêu chí đánh giá bài thi: theo thang điểm đã được phê chuẩn | | CLO3 | |
|--|--|--------------------------------------------------------------|--|------|--|

9. Thông tin về giảng viên

| STT | Giảng viên | Chức danh, học hàm, học vị | Email | Điện thoại liên hệ |
|-----|----------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1 | Phí Thị Lan Anh | Thạc sỹ | ananhcoito@gmail.com | 0923651111 |
| 2 | Hòa Thanh Bình | Thạc sỹ | Hoathanhbinh@gmail.com | 0985832768 |
| 3 | Lê Thị Nga | Thạc sỹ | Lengadhtb82@gmail.com | 0912151911 |
| 4 | Phạm Thị Minh Huệ | Thạc sỹ | minhpho@gmail.com | 0945778189 |
| 5 | Nguyễn Thị Lan Hương | Thạc sỹ | huongnguyentv@gmail.com | 0969427888 |
| 6 | Vũ Thị Thanh Thủy | Thạc sỹ | Touyennguyen2006@gmail.com | 0986231887 |
| 7 | Vũ Thị Hồng Vân | Thạc sỹ | vuhongvan87@gmail.com | 0916862696 |
| 8 | Trần Thị Thu Vân | Thạc sỹ | trthuvan1981@gmail.com | 0949381012 |

10. Các quy định chung

| | |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cam kết của giảng viên | Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định |
| Yêu cầu đối với sinh viên | Thực hiện đúng nội qui của nhà trường, yêu cầu của khoa, của bộ môn, |
| Quy định về tham dự lớp học | Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học |
| Quy định về hành vi trong lớp học | Nghiêm túc, tích cực |
| Quy định về học vụ | Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên. |
| Các quy định khác | Thực Hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà trường |

Thái Bình, ngày tháng năm 2021

Trưởng Khoa

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký, ghi rõ họ tên)